VOCABULARY UNIT 3

wake up	tỉnh giấc
get up	thức dậy
put on	mặc vào, đi vào, đeo vào
take off	cởi ra, tháo ra
get dressed	thay quần áo
get undressed	thay đồ ra, cở bỏ quần áo
wash	rửa
have a shower	tắm vòi hoa sen
have a bath	tắm bồn
catch the bus	đón xe bus
do homework	làm bài tập về nhà
go to bed	đi ngủ
brush my teeth	đánh răng `9cuar tôi)

LIVEWORKSHEETS

VOCABULARY UNIT 3

Monday	thứ hai	
Tuesday	thứ ba	
Wednesday	thứ tư	
Thursday	thứ năm	
Friday	thứ sáu	
Saturday	thứ bảy	
Sunday	chủ nhật	
always	luôn luôn	I always get up at 6 o'clock
usually	thường xuyên	I usually go to school by bike
often	thường thường	I often play football
sometimes	thỉnh thoảng	I sometimes eat pizza
never	không bao giờ	I never go to school on Sunday

LIVEWORKSHEETS

GRAMMAR UNIT 3

Structure	How often do you + **(hành động)?**
Meaning	Bạn có thường làm gì đó không?
Answer	I + **always / usually / often / sometimes / never** + **(hành động)**
Example	How often do you play in the park? → I usually play in the park on Saturday

Structure	What do you do **before / after** + breakfast? lunch? dinner? school? bedtime?
Meaning	Bạn làm gì trước khi / sau khi + ăn sáng? ăn trưa? ăn tối? đi học? ngủ?
Answer	I + **(hành động)**
Example	What do you do before dinner → i wash my hand

LIVEWORKSHEETS

1. Listen and write your answer

1.1 

I usually wash my hands _____ dinner

1.2 

I always brush my teeth _____lunch

1.3 

I never eat snack _____bedtime

1.4 

I sometimes have a shower _____breakfast

1.5 

I sometimes play in the park _____school

LIVEWORKSHEETS

2. Choose the correct answer

2.1 Tôi luôn tắm vòi sen sau khi thức dậy

A. I always have shower after get up

B. I always have shower before get up

2.2 Tôi luôn đánh răng sau khi ăn tối

A. i always brush my teeth after dinner

B. i always brush my teeth after dinner

2.3 Tôi thường rửa mặt trước khi ăn sáng

A. i sometimes wash my face before breakfast

B. i sometimes wash my face after breakfast

2.4 Tôi thường làm bài tập trước khi đi ngủ

A. i sometimes do homework before bedtime

B. i sometimes do homework after bedtime

2.5 Tôi luôn rửa tay sau khi ăn trưa

A. I always wash my hands after lunch

B. I always wash my hand before lunch

2.6 Tôi không bao giờ tắm bồn sau khi ăn tối

A. I never have a bath before dinner

B. I never have a bath after dinner

LIVEWORKSHEETS

3.Write your answer

3.1 Tôi rửa mặt sau khi thức dậy

_____

3.2 Tôi rửa tay trước giờ ăn trưa

_____

3.3 Tôi làm bài tập trước giờ ngủ

_____

3.4 Tôi tắm vòi sen sau khi ăn sáng

_____

3.5 Tôi thay đồ sau khi ăn sáng

_____

3.6 Tôi đón xe bus sau khi ăn sáng

_____

LIVEWORKSHEETS

4. Listen and write your answer

4.1 

4.2 

4.3 

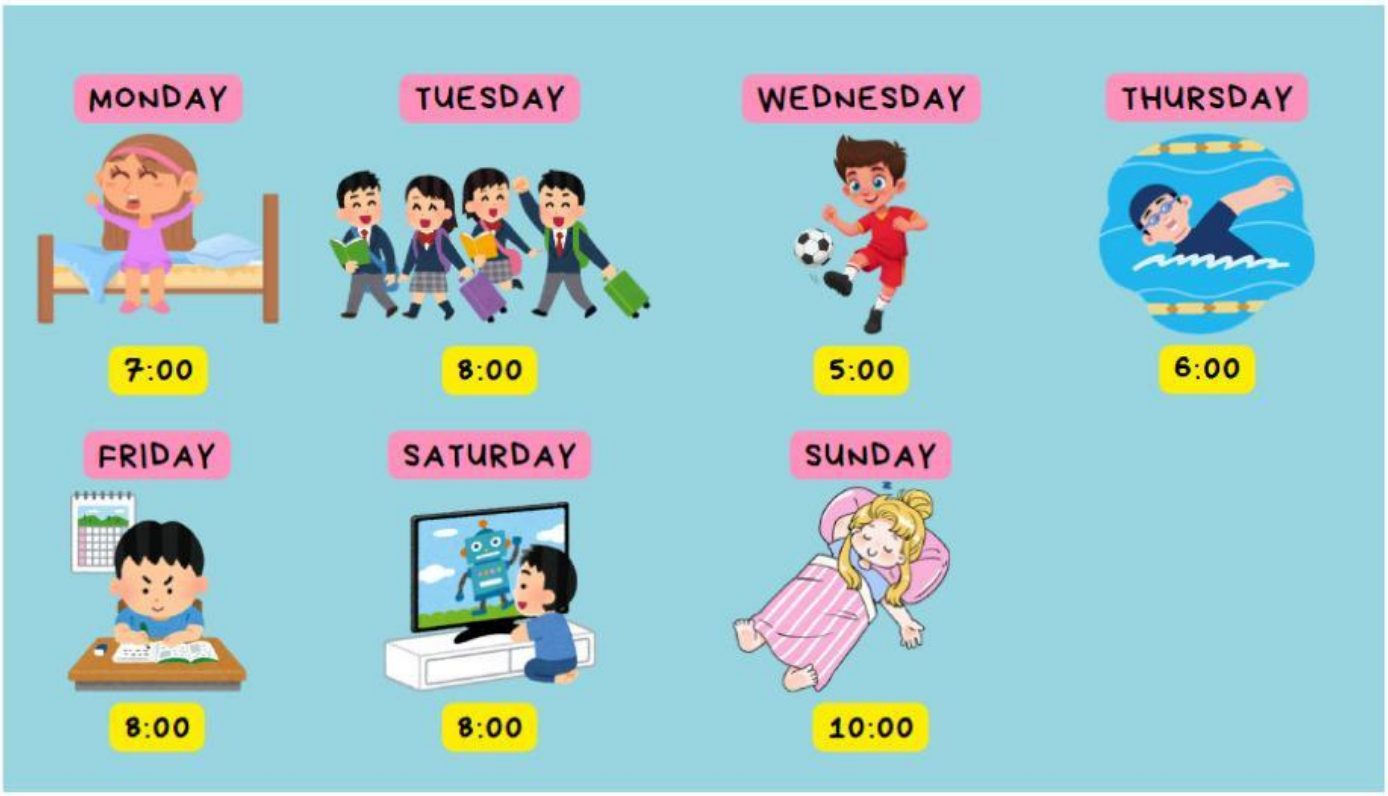
4.4 

4.5 

4.6 

LIVEWORKSHEETS

5.Look at the picture and write the correct answer



5.1 I always get up at 7:00 on _____

5.2 I usually go to bed at 10:00 on _____

5.3 I sometimes play video game at _____ on _____

5.4 I sometimes do homework at _____on_____

5.5 I never play football on _____

5.6 I always go swimming at 6:00 on _____

LIVEWORKSHEETS